

Theo kinh nghiệm thực tế, chiến lược tăng trưởng nhanh và lâu bền cần phải có tính thương mại cao, cụ thể là phải lấy tăng trưởng xuất khẩu làm động lực chủ đạo. Tính quy luật này bị qui định từ cả hai phía: yêu cầu và khả năng thực hiện.

Thứ nhất: về đòi hỏi khách quan, lĩnh vực xuất khẩu là lối thoát duy nhất cho các quốc gia vốn lạc hậu lại xuất phát muộn để có được nguồn ngoại tệ cũng như công nghệ - kỹ thuật cao. Một nền kinh tế hướng vào xuất khẩu có thể tăng trưởng nhanh, vì sức gia tăng của tổng cầu không chỉ bó hẹp trong khuôn khổ thị trường nội địa.

LÝ THUYẾT CHU KỲ SẢN PHẨM VÀ YÊU CẦU TẠO LẬP MỘT CƠ CẤU KINH TẾ THEO ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU Ở NƯỚC TA

Thứ hai: về khả năng thực hiện, chiến lược phát triển hướng vào xuất khẩu, về thực chất là dựa trên logic của một nền kinh tế thị trường, trong điều kiện nền kinh tế thế giới có tính toàn cầu. Về mặt lý thuyết có thể thấy rằng chiến lược này có khả năng thành công cao, vì nó cho phép tận dụng tối đa lợi thế so sánh của đất nước, đồng thời buộc cơ cấu kinh tế phải có năng lực dịch chuyển cao, theo hướng tiến lên không ngừng về mặt công nghệ kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt. Khi theo định hướng này, ở cấp độ vi mô các doanh nghiệp luôn phải có độ nhạy cảm cao, không ngừng cải tiến để hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm. Sự bất buộc này cũng là yếu tố tạo ra khả năng đạt thành tựu tăng trưởng cao trong dài hạn, ở cả cấp độ vi mô lẫn vi mô.

Về một phương diện nào đó, người ta có ấn tượng rằng sức tăng trưởng của một nền kinh tế sẽ cao hơn, nếu nó thành công trong việc đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời hạn chế nhập khẩu thông qua việc bảo hộ ở một mức độ nhất định các ngành công nghiệp trong nước. Tuy nhiên, về mặt nguyên tắc cần phải đặt câu hỏi, trong những điều kiện hiện đại một chiến lược hai mặt vừa đẩy mạnh xuất khẩu vừa phát triển các ngành thay thế nhập khẩu dựa vào hệ thống

bảo hộ liệu có thể áp dụng thành công cho VN? Câu trả lời tổng quát ở đây là: không. Môi trường quốc tế hiện nay không cho phép một nước nào chỉ tìm cách xâm nhập vào thị trường nước khác, trong khi lại cố gắng đóng cửa thị trường nội địa.

Kinh nghiệm quốc tế hiện tại cũng như bản chất của kinh tế thị trường chỉ ra rằng tiến hành công nghiệp hóa theo định hướng thay thế nhập khẩu mà một trong những cơ sở của nó là chế độ bảo hộ cao ngày càng trở nên không có triển vọng. Sự tăng trưởng kinh tế lâu bền đương nhiên phải được định hướng trên cơ sở thúc đẩy xuất khẩu, nhưng đồng thời cũng phải giả định một hệ thống nhập

và thực hành chế độ bảo hộ thuế quan chặt chẽ, sau một thời gian không chú trọng tới việc xuất khẩu, tức là không tạo cơ sở để trả nợ nước ngoài, vấn đề nợ nước ngoài đã gây một áp lực to lớn đến sự tăng trưởng. Trong khi đó, do hạn chế cạnh tranh nên hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp giảm sút. Hậu quả tức thì là lạm phát gia tăng và kéo dài dẫn đến kết cục không thể tránh khỏi là suy thoái, là bất ổn định, trái ngược hẳn với kết quả của mô hình Đông và Đông Nam Á.

Đương nhiên, việc phát triển các ngành thay thế nhập khẩu không phải chỉ là dựa vào chế độ bảo hộ của chính phủ. Tự thân sự phát triển theo hướng này, xét như một tổng thể, chưa phải là lý do để giải thích sự thất bại của cả một quá trình tăng trưởng kinh tế lâu dài. Mô thức tăng trưởng thay thế nhập khẩu làm cho nền kinh tế về cơ bản vận động theo kiểu hướng nội trong một khoảng thời gian dài, có thể từ 10 đến 15 năm liền cho từng ngành riêng biệt, và do đó tăng trưởng xuất khẩu không còn đóng vai trò là động lực chủ đạo. Việc duy trì lâu dài chế độ bảo hộ thuế quan dẫn tới hậu quả là làm cho sức cạnh tranh của hàng nội địa ngày càng giảm sút, và cơ cấu kinh tế không có khả năng chuyển dịch. Trong trường hợp này, một khi chu kỳ sống của sản phẩm chấm dứt, nền kinh tế khó có thể tránh khỏi tình trạng khủng hoảng trong cơ cấu.

Về nguyên tắc, cả việc thay thế nhập khẩu lẫn bành trướng xuất khẩu đều là những giai đoạn tất yếu của quá trình phát triển công nghiệp ở bất cứ ngành sản xuất nào. Cơ sở của nó là lý thuyết về "chu kỳ sống của sản phẩm". Theo lý thuyết này, sự tồn tại về mặt kinh tế của một sản phẩm hay một ngành sản xuất phải trải qua năm thời kỳ:

- Thời kỳ thứ nhất: Du nhập sản phẩm (Introductory), đây là thời kỳ sản phẩm mới xuất hiện trên thị trường nội địa. Sự xuất hiện này có thể hoặc do nhập sản phẩm mới từ nước ngoài, hoặc do phát minh ở trong nước; điều quan trọng là sự xuất hiện này, một mặt giả định có tồn tại sẵn một công nghệ chế tạo ra nó, mặt khác đã tạo ra được một nhu cầu tiêu dùng về nó.

Thời kỳ thứ hai: Thay thế nhập khẩu (Import Substitution), là giai đoạn tiếp theo, khi nhu cầu về sản phẩm mới đã gia tăng mạnh trên thị trường trong nước, bắt đầu quá trình triển khai công nghệ và kỹ thuật sản xuất sản phẩm đó ở trong nước để thay thế hàng nhập khẩu.

Thời kỳ thứ ba: Bành trướng xuất khẩu (Export Expansion), trong thời kỳ này, nhu cầu nội địa đối với

HOÀNG AN QUỐC

khẩu tương đối tự do. Điều này đòi hỏi phải tăng cường năng lực cạnh tranh của sản phẩm sản xuất trong nước, cả trong lĩnh vực xuất khẩu (tức cạnh tranh trên thị trường quốc tế) lẫn trong lĩnh vực thay thế nhập khẩu (cạnh tranh với sản phẩm nước ngoài trên thị trường nội địa).

Việc so sánh hai kiểu phát triển, một bên là tuân thủ triệt để đường lối công nghiệp hóa theo định hướng xuất khẩu - hướng ngoại (mô hình các nước Đông và Đông Nam Á), một bên là công nghiệp hóa theo hướng thay thế nhập khẩu - hướng nội (mô hình các nước Mỹ la tinh trong các thập niên 60 - 70) cho thấy rõ ràng trong thời đại hiện nay, cách thức tăng trưởng hiệu quả và có triển vọng lâu dài chỉ có thể là mở cửa hướng mạnh vào xuất khẩu lấy đó làm động lực chủ đạo cho sự tăng trưởng kinh tế toàn diện. Với các nước Mỹ la tinh, việc thực thi chiến lược hướng nội dựa vào việc phát triển các ngành thay thế nhập khẩu, tuy có dẫn tới một thời kỳ phát triển rực rỡ; song rồi cuộc lại rơi vào đình trệ và suy thoái trầm trọng. Mục tiêu tăng trưởng nhanh, lâu bền đã không thể đạt được. Lý do của hiện tượng này nằm ở chỗ trong thời kỳ khởi phát các quốc gia này, đều dựa vào nguồn vốn nước ngoài để khai thác tài nguyên trong nước nhằm đáp ứng yêu cầu nội địa đang rất lớn. Song với đường lối hướng nội

sản phẩm đã được đáp ứng về căn bản, đồng thời kỹ thuật - công nghệ sản xuất ra sản phẩm đó đã được cải tiến và hoàn thiện. Sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài và cạnh tranh trên thị trường quốc tế với khối lượng ngày càng tăng.

Thời kỳ thứ tư: Hoàn thiện (Mature), là thời kỳ mà cả nhu cầu nội địa lẫn nhu cầu xuất khẩu đối với sản phẩm đều giảm xuống chậm, điều này cản trở việc mở rộng hơn nữa qui mô sản xuất. Bắt đầu xuất hiện dấu hiệu giảm sút năng lực cạnh tranh so với những nước xuất phát muộn hơn.

Thời kỳ thứ năm: nhập khẩu đảo (Reverse - Import), đây là thời kỳ cuối cùng trong chu kỳ sản phẩm, lúc này việc sản xuất trong nước bắt đầu gặp sự cạnh tranh từ nước ngoài như là một hiệu ứng tất yếu của quá trình bành trướng xuất khẩu trước đó. Việc tiếp tục sản xuất với qui mô mở rộng, duy trì ở mức cũ, hay thậm chí thu hẹp đều trở nên kém hiệu quả do những bất lợi về thị trường và chi phí sản xuất. Trong một khoảng thời gian nhất định, sự lựa chọn không thể tránh khỏi là phải chuyển sang một loại sản phẩm mới khác; và vì vậy quốc gia này không thể không nhập khẩu trở lại loại sản phẩm mà trước đây nó đã từng xuất khẩu.

Năm giai đoạn trên hình thành nên chu kỳ sống của một sản phẩm, nó xác định tính tất yếu về kinh tế và kỹ thuật cho sự tồn tại của một ngành - sản phẩm. Đây chính là khuôn khổ lý thuyết tổng quát về quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên phạm vi quốc tế.

Việc định hướng phát triển nền kinh tế theo mô thức hướng nội hay hướng ngoại, đều không vượt qua các giai đoạn mang tính chu kỳ trên. Sự khác biệt chỉ là ở chỗ với mô thức hướng nội, sự phát triển tập trung vào giai đoạn thay thế nhập khẩu, giai đoạn mở rộng xuất khẩu không được chú ý, thậm chí bị bỏ qua với tư cách là một chiến lược phát triển. Còn với mô thức hướng ngoại, giai đoạn thay thế nhập khẩu về cơ bản chỉ được coi là bước quá độ chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho công cuộc bành trướng xuất khẩu. Tuy nhiên, bước quá độ này là không thể tránh khỏi và cực kỳ quan trọng, theo nghĩa nó tạo cơ hội cho các doanh nghiệp bản địa (chứ không phải là nước ngoài), tận dụng tốt lợi thế của đất nước, nâng cao tiềm lực kinh tế, hoàn thiện công nghệ kỹ thuật, chuẩn bị cho cuộc cạnh tranh quốc tế ở giai đoạn tiếp sau. Để làm được điều đó, ngay cả trong giai đoạn thay thế nhập khẩu, vấn đề đặt ra là không được phép hạn chế cạnh tranh đối với loại sản phẩm đó (sự cạnh tranh này chủ yếu nên diễn ra giữa các doanh nghiệp bản địa). Khi sức

cạnh tranh của sản phẩm đã tăng lên, thì việc nới lỏng chế độ bảo hộ là cần thiết để sản phẩm nội địa cạnh tranh với sản phẩm nước ngoài ngay trên thị trường trong nước, và đây chính là bước chuẩn bị trực tiếp cho giai đoạn bành trướng xuất khẩu. Mọi sự hạn chế cạnh tranh, kể cả cạnh tranh trong nước, sẽ đồng nghĩa với việc làm suy giảm năng lực phát triển cũng như năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bản địa, và điều này cũng có nghĩa là kìm hãm quá trình phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

Lập luận trên cho thấy đối với một ngành kinh tế hướng ngoại thì:

- Một chiến lược tăng trưởng hướng vào xuất khẩu sẽ hàm chứa trong đó quá trình phát triển mạnh sản xuất thay thế nhập khẩu. Đối với các sản phẩm mới thì thậm chí đây còn là quá trình bắt buộc phải diễn ra trước quá trình mở rộng xuất khẩu.

- Xét trên bình diện toàn bộ nền kinh tế hầu như luôn có sự đan xen giữa hai quá trình thay thế nhập khẩu và bành trướng xuất khẩu giữa các ngành. Sự chênh lệch nhau về độ dài chu kỳ sản phẩm, về thời điểm bắt đầu hoạt động của chu kỳ giữa các ngành tạo nên tình trạng này.

- Việc bảo hộ sản xuất nội địa bằng hệ thống thuế nhập khẩu cao không được coi là điều kiện bắt buộc của chiến lược phát triển hướng ngoại, dù trong giai đoạn phát triển thay thế nhập khẩu. Việc áp dụng chế độ này đối với một sản phẩm được phát triển theo định hướng xuất khẩu là cần thiết nhưng chỉ trong những giới hạn xác định về thời gian và mức độ, chủ yếu là cho thời kỳ đầu của giai đoạn thay thế nhập khẩu, và cần từng bước được nới lỏng tùy theo khả năng tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm nội địa.

- Với những nền kinh tế xuất phát muộn và nông nghiệp là bộ phận chủ yếu, thì về đại thể giai đoạn đầu tiên thường là phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu. Hoạt động xuất khẩu lúc đó chủ yếu được thực hiện đối với các sản phẩm sơ cấp (nông sản, nguyên liệu thô). Tuy một số sản phẩm công nghiệp nhẹ và sản phẩm gia công cũng có thể được xuất khẩu, song về cơ bản toàn bộ hoạt động xuất khẩu giai đoạn này không nằm trong khuôn khổ mô thức tăng trưởng hướng vào xuất khẩu theo nghĩa hiện đại. Chỉ có tăng trưởng xuất khẩu hàng chế tạo - chế biến mới thuộc về thực chất của mô thức trên.

Hiện nay nền kinh tế nước ta đang theo đuổi chiến lược tăng trưởng hướng vào xuất khẩu. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong thời gian tới, hệ thống công nghiệp nước ta về cơ bản đang trong giai đoạn du nhập sản

phẩm và thay thế nhập khẩu. Vì vậy, về mặt cơ cấu, sự lựa chọn ở đây là cần phải đẩy mạnh sự phát triển của các ngành sản xuất thay thế nhập khẩu, ít nhất là trong trung hạn từ 5 đến 7 năm. Việc thúc đẩy bành trướng xuất khẩu quá sớm đối với những ngành này có thể là quá mạo hiểm (cạnh tranh quốc tế khi chưa đủ năng lực) và gây ra những tổn hại cho chiến lược phát triển dài hạn (không tận dụng được lợi thế của đất nước, bỏ ngỏ thị trường nội địa cho hàng ngoại tràn vào). Kinh nghiệm thực tiễn ở nước ta những năm qua cho thấy rằng, trong khi hầu như toàn bộ sự chú ý của các doanh nghiệp và của nhà nước được dành cho nỗ lực xuất khẩu, thì sự không chú ý đúng mức đến việc phát triển thay thế nhập khẩu là một trong số những lý do đã dẫn đến tình trạng hàng tiêu dùng nước ngoài, mà đa số trong đó là những thứ có thể sản xuất được ở trong nước với chất lượng và giá cả không thua kém nhiều, đã chiếm lĩnh hầu như toàn bộ thị trường nội địa. Hậu quả tất yếu mà nền kinh tế phải gánh chịu:

- Mất một lượng không nhỏ ngoại tệ đáng ra được dành cho đầu tư.

- Nền công nghiệp vốn nhỏ yếu của đất nước phải lao đao.

- Nạn buôn lậu phát triển, ngân sách thất thu đi liền với sự gia tăng tâm lý sùng hàng ngoại.

Về nguyên tắc, hiện nay việc phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu trên nhiều mặt, tương đồng với việc phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động. Tận dụng tốt lợi thế này của đất nước đồng nghĩa với việc rút ngắn thời kỳ thay thế nhập khẩu và nhanh chóng tạo sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Vì vậy, trong việc tạo lập cơ cấu kinh tế ở nước ta giai đoạn trước mắt, bên cạnh những nỗ lực đẩy mạnh xuất khẩu (chủ yếu là các mặt hàng truyền thống, sản phẩm thô, hàng gia công lắp ráp...) thì nhiệm vụ chủ yếu là phải phát triển mạnh sản xuất thay thế nhập khẩu và đầu tư cho các ngành sử dụng nhiều lao động. Hai nhiệm vụ trên có độ giao thoa rất lớn. Nỗ lực phát triển theo hướng này, không trái với cách đặt vấn đề về sự lựa chọn mô thức phát triển dựa vào tăng trưởng xuất khẩu trong chiến lược phát triển theo kiểu hướng ngoại ở nước ta. Tính tất yếu về kinh tế kỹ thuật của quá trình phát triển đã qui định các bước quá độ không thể bỏ qua, và bước quá độ càng được thực hiện nhanh chóng, đầy đủ, triệt để thì mục tiêu cuối cùng - mở rộng tối đa năng lực xuất khẩu - càng nhanh chóng được đạt tới với hiệu quả cao ■